

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 16/2018/HSST.
Ngày 27/6/2018.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

Bà Thạch Thị Yến Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quốc, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST- HS, ngày 17 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST- HS, ngày 12 tháng 6 năm 2018 đối với:

Bị cáo Trương Văn C, sinh năm 1987. Nơi sinh: Xã TM, huyện C T, tỉnh T V. Nơi cư trú: Ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T V. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; vợ tên Trương Thị C L sinh năm 1995, có 01 người con sinh năm 2012. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/12/2017, đến ngày 01/01/2018 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà Kiên Thị B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp K H, xã K H, huyện C N, tỉnh T V. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại bà Kiên Thị B: Ông Diệp Minh Trường - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Kiên Thị S, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh T V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kiên Thị S: Ông Lê Văn Vinh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Chị Thạch Thị Bô V T, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp K H, xã K H, huyện C N, tỉnh T V.

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T V.

Người làm chứng:

Bà Kim Thị N, sinh năm 1976. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Huỳnh Quang S, sinh năm 1978. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh T V.

Người phiên dịch: Ông Kim Na Rinh - Cán bộ hưu trí huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, số máy: 5P71026467, số khung: P710AY026502, biển số 84V1-1061, xe đã qua sử dụng.

- 01 giấy phép lái xe, số: 840093005007 mang tên Trương Văn C, ngụ ấp P T, xã Th M, huyện C T, tỉnh T V.

- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 001528 mang tên Trương Văn C, ngụ ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T V.

- 01 khẩu trang ý tế màu hồng đã qua sử dụng.

- 01 áo khoát màu xanh, tay dài, có sọc vàng trên tay áo, đã qua sử dụng.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, có hình Minion màu vàng, có dòng chữ Don't Move, đã qua sử dụng.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/12/2017, sau khi làm xong ca đêm tại Công ty TNHH MTV YING HSING thuộc khu Công nghiệp L Đ, thành phố T V, tỉnh T V, bị cáo Trương Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 84V1-1061 (xe do Trương Văn C đứng tên chủ sở hữu) chạy theo Quốc lộ 53 xuống địa bàn xã V K, huyện C N để tìm việc làm, khi chạy đến ấp T C, xã K H, Trương Văn C cho xe rẽ phải chạy theo tuyến đường huyện số 17 hướng về xã N T, khi chạy đến đoạn đường thuộc ấp G, xã K H thì Trương Văn C dừng xe bên lề trái của hướng đi khoảng 05 phút, lúc này Trương Văn C phát hiện bà Kiên Thị B điều khiển xe mô tô biển số 84E1-298.63 chở bà Kiên Thị S đi hướng cùng chiều với bị cáo, bị cáo nhìn thấy trên cổ bà B có đeo sợi dây chuyền vàng 18 kra, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem nên Trương Văn C liền nảy sinh ý định chiếm đoạt, khi bà B vừa chạy qua mặt bị cáo thì bị cáo điều khiển xe đuổi theo khoảng 300 mét thì đuổi kịp, lúc này Trương Văn C điều khiển cho xe chạy song song áp sát xe bà B đang điều khiển, Trương Văn C dùng tay phải giật mạnh sợi giây chuyền vàng của bà B rồi tăng ga nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát về nhà tại ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T

V, còn bà B và bà S bị té ngã trên mặt lộ nhựa, bà B bị xây xát nhẹ, bà S được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị. Quá trình điều tra làm rõ vụ việc, đến 19 giờ 30 phút cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang tiến hành bắt khẩn cấp Trương Văn C, đồng thời quản lý vật chứng gồm: Một sợi dây chuyền vàng 18k, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem; Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 84V1-1061. Ngày 30/12/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tạm giam Trương Văn C về hành vi Cướp giật tài sản.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 03/KL.HĐĐG ngày 18/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Ngang kết luận: Giá trị tài sản một sợi dây chuyền vàng 18 kra, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem là 18.066.240 đồng.

Căn cứ kết luận giám định pháp y về thương tích số 18/TgT ngày 24/01/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà Kiên Thị S là 08%.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Kiên Thị B đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang trao trả một sợi dây chuyền vàng 18k, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem nên không yêu cầu bồi thường.

- Chị Kiên Thị S yêu cầu Trương Văn C bồi thường các khoản chi phí: tiền thuốc 1.870.000 đồng, tiền xe đi lại 1.500.000 đồng và tiền công lao động 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 4.870.000 đồng, bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của Trương Văn C đã bồi thường đủ số tiền trên cho bà S nhận nên bà S không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSCN, ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định truy tố bị can Trương Văn C về tội Cướp giật tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn C khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 29/12/2017, tại ấp G, xã K H, huyện CN, tỉnh TV bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 84V1-1061 áp sát xe mô tô của bà Kiên Thị B đang điều khiển chở bà Kiên Thị S ngồi phía sau, bị cáo dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng 18kra, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem của bà Kiên Thị B đang đeo trên cổ rồi tăng ga chạy thoát về nhà, sợi dây chuyền bị cáo bỏ trong bóp, đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an bắt gửi cùng tang vật.

Tại phiên tòa bị cáo khẳng định lời khai của bà B, bà S cùng các lời khai của người làm chứng khai là đúng sự thật. Các biên bản ghi lời khai, các biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc. Nay bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị hại Kiên Thị B khai: Bà thống nhất lời trình bày của bị cáo Trương Văn C. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận sai trái của mình và xin lỗi bà, bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bà đã nhận lại

một sợi dây chuyền vàng 18k, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem do Công an huyện Cầu Ngang trao trả, nay bà không yêu cầu gì thêm.

- Bà *Kiên Thị S khai*: Bà thống nhất lời trình bày của bị cáo Trương Văn C. Về trách nhiệm dân sự bà yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí về thiệt hại sức khỏe gồm: Tiền thuốc 1.870.000 đồng, tiền xe đi lại 1.500.000 đồng và tiền công lao động 1.500.000 đồng, tổng cộng là 4.870.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường số tiền này cho bà S nhận xong, tại phiên tòa bà S không yêu cầu gì thêm.

- Bà *Nguyễn Thị B trình bày*: Bà là mẹ ruột bị cáo, khi sự việc xảy ra, bị cáo có tác động bà bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bà S là 4.870.000 đồng, bà đã bồi thường 4.870.000 đồng cho bà S nhận xong, nay bà không yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Đặng Văn Quốc đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn C phạm tội Cướp giật tài sản. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Văn C từ 04 năm đến 05 năm tù. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Diệp Minh Trường là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kiên Thị B – bị hại trong vụ án phát biểu quan điểm: Thống nhất bản cáo trạng số: 09/CT-VKSCN, ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát huyện Cầu Ngang và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 84V1-1061 để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của bà B và sức khỏe bà S, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn địa phương, xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm mục đích để răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên tại phiên tòa bà B là bị hại trong vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xem xét mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Về trách nhiệm dân sự bà B đã nhận lại sợi dây chuyền bị cướp giật, nay không có đặt ra yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trợ giúp viên pháp lý Lê Văn Vinh là người bảo vệ cho bà Kiên Thị S phát biểu quan điểm: Thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi giật dây chuyền của bà B khi bà B đang điều khiển xe mô tô làm cho bà B và bà S bị té ngã gây thương tích bà S là 08%. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định pháp luật. Riêng trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bà S, phía bị cáo đã bồi thường xong, nay không có yêu cầu.

Bị cáo Trương Văn C nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 29/12/2017, tại ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh T V bị cáo đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 84V1-1061 áp sát xe mô tô của bà B đang điều khiển chở bà S ngồi sau, bị cáo dùng tay giật sợi dây chuyền vàng 18k, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem của bà Kiên Thị B đang đeo trên cổ, trị giá là 18.066.240 đồng là đúng sự thật. Bị cáo có tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng:

Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Cầu Ngang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn C khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 29/12/2017, tại ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh T V bị cáo đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 84V1-1061 áp sát xe mô tô của bà B đang điều khiển chở bà S ngồi phía sau, bị cáo dùng tay giật sợi dây chuyền vàng 18k, loại 670, trọng lượng 07 chỉ 03 phân 44 dem của chị Kiên Thị B đang đeo trên cổ, trị giá là 18.066.240 đồng là đúng sự thật.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nội dung vụ việc ghi trong biên bản bắt người khẩn cấp, tờ tường trình do bị cáo tự viết, các biên bản ghi lời khai, các bản cung do bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của bà b, bà s, phù hợp lời khai của người làm chứng trong vụ án, cùng các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn C phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xét bản cáo trạng số: 09/CT-VKSCN, ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi

xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo Trương Văn Clà người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe và có nghề nghiệp ổn định, nhưng bị cáo không biết quý trọng nghề nghiệp hiện có để tích cực tham gia lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng vì động cơ mục đích muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã bất chấp mọi thủ đoạn có cơ hội là bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngay.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại tại đoạn đường vắng, ít người qua lại, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây ra sự hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân, bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 84V1-1061 để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là dùng thủ đoạn nguy hiểm, khi thực hiện hành vi giật lấy sợi dây chuyền của bà B làm xe mô tô của bà B đang điều khiển chở bà S ngồi phía sau bị té ngã, bà B bị xay xác nhẹ, còn bà S bị thương tích là 8%. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, người thân của bị cáo có công với cách mạng, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Kiên Thị B – bị hại trong vụ án, tại phiên tòa bà B không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản. Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Kiên Thị S – người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tại phiên tòa bà S không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời của Trợ giúp viên pháp lý Diệp Minh Trường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà Thạch Thị B là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời của Trợ giúp viên pháp lý Lê Văn Vinh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kiên Thị S là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- *Đối với vật chứng:* Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, số máy: 5P71026467, số khung: P710AY026502, biển số 84V1-1061, xe đã qua sử dụng và giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 001528 mang tên Trương Văn C, ngụ ấp P T, xã TM, huyện C T, tỉnh T V. Bị cáo đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để thực

hiện hành vi phạm tội và tẩu thoát sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- *Đối với vật chứng:* 01 giấy phép lái xe, số: 840093005007 mang tên Trương Văn C, ngụ ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T V; 01 khẩu trang ý tế màu hồng đã qua sử dụng; 01 áo khoát màu xanh, tay dài, có sọc vàng trên tay áo, đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu xanh, có hình Minion màu vàng, có dòng chữ Don't Move, đã qua sử dụng. Bị thu giữ khi bị bắt khẩn cấp, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử tuyên trả cho bị cáo.

[8]- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trương Văn C nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 29 tháng 12 năm 2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, số máy: 5P71026467, số khung: P710AY026502, biển số 84V1-1061, xe đã qua sử dụng.

- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 001528 mang tên Trương Văn C, ngụ ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T V.

Tuyên trả cho bị cáo:

- 01 giấy phép lái xe, số: 840093005007 mang tên Trương Văn C, ngụ ấp P T, xã T M, huyện C T, tỉnh T V.

- 01 khẩu trang ý tế màu hồng đã qua sử dụng.

- 01 áo khoát màu xanh, tay dài, có sọc vàng trên tay áo, đã qua sử dụng.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, có hình Minion màu vàng, có dòng chữ Don't Move, đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Văn C nộp 200.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm